

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 9 năm 2017
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tân
2. Ông Hà Quang Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 125/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình

- Bị đơn: H, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp TR, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, anh T và chị H tự nguyện kết hôn vào năm 2012 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, nhiều lần cãi vã, xung đột và vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T xin ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh T và chị H có hai người con chung tên TR, sinh ngày 19/5/2013 và TH, sinh ngày 11/7/2014. Khi ly hôn, anh T

yêu cầu giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H không có tài sản chung, không thiếu nợ ai và không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ý kiến.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên Tòa án lập biên bản không hòa giải được do nguyên đơn và bị đơn vắng mặt mà không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp cho các đương sự là vi phạm các điều 210 và 175 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần khắc phục; các đương sự không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Theo nội dung trình bày của ông T và ý kiến của áp trưởng cho thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là có thật, hiện tại ông T không còn tình cảm với bà H, hai người đã ly thân trong thời gian dài, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị giải quyết cho ông T ly hôn với bà H. Về con chung: cả hai người con chung hiện đang ở chung với bà H và khi ly hôn ông T đồng ý giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành mà ông T không phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị giao hai cháu cho bà H nuôi dưỡng, bà H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án thể hiện ý kiến về việc yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị H có nơi cư trú tại tổ 3, ấp TR, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Dù đã được giải thích quy định của pháp luật về quyền, lợi ích hợp pháp của mình nhưng chị H không đến Tòa án làm việc cũng như không cung cấp địa chỉ hiện tại để Tòa án tiến hành các hoạt động tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng hoặc ủy thác tư pháp theo quy định nên Tòa án xác định chị H trốn tránh để tiến hành niêm yết văn bản tố tụng và xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù chị H không trình bày về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nhưng căn cứ vào lời khai của anh T, những tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả xác minh tại Ban điều hành ấp TR, xã T, huyện H có căn cứ xác định anh T và chị H tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước vào ngày 22/02/2012, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, anh T về quê tại xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình sinh sống, anh T và chị H không quan tâm chăm sóc lẫn nhau cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với chị H của anh T có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Anh T và chị H có hai người con chung tên TR, sinh ngày 19/5/2013 và TH, sinh ngày 11/7/2014, hiện hai cháu đang ở cùng chị H. Khi ly hôn, anh T yêu cầu giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành mà anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Lẽ ra, chị H phải có ý kiến về việc yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu nhưng chị H không có ý kiến nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T là giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và tách yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H thành vụ án khác khi có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không thiếu nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị H không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 227, 233 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 45, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của anh Hoàng Văn Thành, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh T, sinh năm 1985; trú tại thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình được ly hôn với chị H, sinh năm 1992; trú tại tổ 3, ấp TR, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2012 quyền số 01/2011 ngày 22/02/2012 của Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên TR, sinh ngày 19/5/2013 và TH, sinh ngày 11/7/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, anh T và chị H có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự không có giá ngạch, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012066 ngày 20/4/2017.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T và chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- UBND xã Thanh An, huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Nhum